

Số: **574** /CBTT-HNS

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - Vnsteel

- Mã chứng khoán: HMG

- Địa chỉ: Số 20 - Tôn Thất Tùng - Đống Đa - Hà Nội

- Điện thoại liên hệ: 024. 38521115

Fax: 024.38523851

- E-mail: hns@hns.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - Vnsteel công bố điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được sửa đổi, thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 03/7/2020 tại đường dẫn <http://hns.com.vn/tin-tuc/thong-tin-co-dong.htm>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TGD Cty (để b/c)
- Lưu: VT,TKCty.

*** Tài liệu đính kèm:**

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố:

1. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Trần Thị Hoa Lý

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNS'TEEL

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Hà Nội, tháng 6/2020

MỤC LỤC

	PHẦN MỞ ĐẦU	3
Chương I	ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	3
Điều 1	Giải thích thuật ngữ	3
Chương II	TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	4
Điều 2	Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	4
Điều 3	Người đại diện theo pháp luật của Công ty	4
Điều 4	Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	5
Điều 5	Nguyên tắc, cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Công ty	5
Chương III	VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	6
Điều 6	Vốn điều lệ và cổ phần	6
Điều 7	Chứng nhận cổ phiếu	7
Điều 8	Chứng chỉ chứng khoán khác	7
Điều 9	Chuyển nhượng cổ phần	7
Điều 10	Thừa kế cổ phần	7
Điều 11	Thu hồi cổ phần	8
Chương IV	CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐỒNG	9
Điều 12	Quyền của cổ đông	9
Điều 13	Nghĩa vụ của cổ đông	10
Điều 14	Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 15	Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 16	Đại diện được ủy quyền	13
Điều 17	Thay đổi các quyền	14
Điều 18	Triệu tập họp, chương trình, nội dung và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 19	Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 20	Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 21	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 22	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản thông qua quyết định Đại hội	19
Điều 23	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 24	Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
Chương V	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	21
Điều 25	Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 26	Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 27	Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	23
Điều 28	Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	25

Điều 29	Chủ tịch Hội đồng quản trị	25
Điều 30	Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	26
Chương VI	TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	29
Điều 31	Tổ chức bộ máy quản lý	29
Điều 32	Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc	30
Điều 33	Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	31
Điều 34	Thư ký Công ty	32
Chương VII	BAN KIỂM SOÁT	32
Điều 35	Thành viên Ban kiểm soát; ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	32
Điều 36	Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát	34
Chương VIII	TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	35
Điều 37	Trách nhiệm của thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý Công ty	35
Điều 38	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	35
Điều 39	Trách nhiệm về bồi thường và thiệt hại	37
Chương IX	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH HỒ SƠ CÔNG TY	37
Điều 40	Quyền điều tra sổ sách chứng từ Công ty	37
Chương X	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	38
Điều 41	Công nhân viên và công đoàn	38
Chương XI	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	38
Điều 42	Cổ tức và phân phối lợi nhuận	38
Chương XII	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	39
Điều 43	Tài khoản ngân hàng	39
Điều 44	Năm tài chính	40
Điều 45	Chế độ kế toán	40
Điều 46	Kiểm toán	40
Chương XIII	BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	41
Điều 47	Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	41
Điều 48	Báo cáo thường niên	41
Chương XIV	CON DẤU	41
Điều 49	Con dấu	41
Chương XV	CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	42
Điều 50	Chấm dứt hoạt động	42
Điều 51	Thanh lý	42
Chương XVI	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	43
Điều 52	Giải quyết tranh chấp nội bộ	43
Chương XVII	BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	43
Điều 53	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	43
Điều 54	Ngày hiệu lực Điều lệ	44

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - Vnsteel được thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, tổ chức chính thức vào ngày 15 tháng 6 năm 2020.

CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội-Vnsteel quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

1.1. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập công ty và quy định tại Điều 6 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội-Vnsteel (sau đây viết tắt là Điều lệ Công ty).

1.2. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (sau đây viết tắt là Việt Nam) thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.

1.3. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

1.4. "Ngày thành lập" là ngày Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội-Vnsteel (sau đây viết tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.

1.5. "Người quản lý Công ty" là người giữ các chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị (sau đây viết tắt là HĐQT), thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác được HĐQT phê chuẩn, có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty.

1.6. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty.

1.7. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại mục 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.

1.8. "Người nội bộ của Công ty" là: Thành viên Hội đồng quản trị; Thành viên Ban kiểm soát (sau đây viết tắt là BKS); Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc các chức danh quản lý do Đại hội đồng cổ đông (sau đây viết tắt là ĐHĐCĐ) hoặc HĐQT bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty; Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, người phụ trách kế toán; Người được ủy quyền công bố thông tin.

The bottom of the page features several handwritten signatures in black ink. On the right side, there is a vertical red stamp with the text 'HÀ NỘI' and 'P.' visible. The signatures are spread across the width of the page, some overlapping the footer text.

1.9. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ Công ty.

1.10. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán.

2. Trong Điều lệ Công ty, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ HÀ NỘI - VNSTEEL

- Tên tiếng Anh: VNSTEEL - HANOI STEEL CORPORATION

- Tên viết tắt: HNSTEEL

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

Địa chỉ: Số 20 Tôn Thất Tùng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: (84 - 4) 38.521.115

Fax: (84 - 4) 38.523.851 / 38524155

Website : www.hns.com.vn; www.hnsteel.com.vn

E-mail : hns@hns.com.vn

4. Công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu kinh doanh phù hợp với quyết định của HĐQT và trong phạm vi pháp luật cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 51 Điều lệ Công ty, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và kéo dài vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Tổng Giám đốc Công ty. Tổng Giám đốc điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết của

ĐHĐCĐ và Nghị quyết, quyết định của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và pháp luật về các quyết định của mình.

2. Tổng Giám đốc là đại diện của Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty; đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 14 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Tổng Giám đốc Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh ra nước ngoài phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều 13 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

1.1. Kinh doanh: Các loại sản phẩm gang, thép, nguyên vật liệu phục vụ ngành thép, khoáng sản (quặng sắt, than, đá vôi...); các loại vật tư tổng hợp; máy móc thiết bị, phụ tùng, phương tiện vận tải, bốc xếp, san ủi phục vụ sản xuất, xây dựng và khai thác mỏ; vật liệu xây dựng.

1.2. Sản xuất, gia công, chế biến các sản phẩm kim loại.

1.3. Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, logistic, khai thuê hải quan, cho thuê văn phòng; kinh doanh bất động sản, nhà ở, khách sạn, dịch vụ siêu thị và hàng hoá tiêu dùng; kinh doanh dịch vụ thể thao, ăn uống, du lịch.

1.4. Kinh doanh các hoạt động phụ trợ phục vụ sản xuất kinh doanh và các dịch vụ đại lý, ký gửi các mặt hàng thuộc phạm vi kinh doanh của Công ty.

1.5. Kinh doanh các mặt hàng khác mà pháp luật không cấm.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Không ngừng phát triển trong các lĩnh vực hoạt động sản xuất - kinh doanh - dịch vụ nhằm tối đa hoá lợi nhuận cho các cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

3. Phạm vi kinh doanh và hoạt động:

3.1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

3.2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 5. Nguyên tắc, cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Công ty

1. Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ, tuân thủ pháp luật và quy định của Điều lệ này.

2. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- 2.1. Đại hội đồng cổ đông;
- 2.2. Hội đồng quản trị;
- 2.3. Ban kiểm soát;
- 2.4. Tổng giám đốc điều hành (sau đây viết tắt là Tổng giám đốc).

CHƯƠNG III VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6: Vốn điều lệ và cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 90.000.000.000 (chín mươi tỷ) đồng Việt Nam và được chia thành 9.000.000 (chín triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 (mười ngàn) đồng Việt Nam.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần phù hợp với quy định của pháp luật về công bố thông tin. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do HĐQT Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp ĐHĐCĐ chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

Điều lệ đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua tháng 6/2020 tại Hà Nội

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu và không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất cứ một khoản phí nào.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên 10.000.000 (mười triệu) đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp chứng nhận cổ phiếu mới, Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác trên trang thông tin điện tử của Công ty. Sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo, chủ sở hữu thực hiện thủ tục đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ Công ty và pháp luật quy định khác.

2. Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán (Sau đây viết tắt là SGDCK) được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thừa kế cổ phần

1. Thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Pháp luật về Thừa kế và các quy định khác có liên quan.

2. Người thừa kế hợp pháp được thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký để trở thành cổ đông mới, được hưởng mọi quyền lợi và phải thực hiện mọi nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền.

Trường hợp có nhiều người thừa kế hợp pháp thì họ phải cử một đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục uỷ quyền có xác nhận công chứng. Công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật. Cổ phần thừa kế có thể được tách riêng cho những người thừa kế theo yêu cầu của tất cả những người này và họ phải trả phí theo quy định của Công ty.

3. Cổ phần của các thành viên HĐQT, BKS và các cán bộ quản lý khác cũng được tự do thừa kế nhưng người được thừa kế quyền sở hữu cổ phiếu không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên HĐQT, BKS và các chức danh quản lý tương ứng.

4. Trường hợp cổ đông qua đời mà không có người thừa kế, hoặc người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì cổ phần mà họ sở hữu sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền chưa trả cùng với lãi suất bằng lãi tiền vay quá hạn lũy kế trên khoản tiền chưa thanh toán đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty.

2. Thông báo ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo) và địa điểm thanh toán. Đồng thời thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

Trường hợp tại thời điểm thu hồi cổ phần mà Công ty đã công bố trả cổ tức nhưng chưa chi trả, các cổ phiếu bị HĐQT quyết định thu hồi sẽ không được quyền nhận cổ tức mặc dù Công ty đã công bố chia cổ tức.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ lãi vay ngân hàng vào thời điểm thu hồi theo quyết định của HĐQT kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán.

Hội đồng quản trị Công ty có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

ĐI
C
C
M K
VNS
Đ

CHƯƠNG IV CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số lượng cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau đây:
 - 2.1. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - 2.2. Nhận cổ tức hàng năm với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ;
 - 2.3. Tự do chuyển nhượng cổ phần theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty;
 - 2.4. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - 2.5. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - 2.6. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ;
 - 2.7. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - 2.8. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - 2.9. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp;
 - 2.10. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục 06 tháng trở lên, có các quyền sau:
 - 3.1. Đề cử các ứng viên HĐQT hoặc BKS theo quy định tương ứng tại Điều lệ Công ty;
 - 3.2. Yêu cầu HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;
 - 3.3. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ;
 - 3.4. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân

Điều lệ đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua tháng 6/2020 tại Hà Nội

10
G
HÀ
HÀ
3E1
1.P.T

Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

3.5. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

4. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây:

4.1. Vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp;

4.2. Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của HĐQT;

4.3. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc nghị quyết của ĐHĐCĐ;

4.4. Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

4.5. Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

4.6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Tuân thủ Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

2. Tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua các hình thức: Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

6.1. Vi phạm pháp luật;

Điều lệ đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua tháng 6/2020 tại Hà Nội

6.2. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

6.3. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của HĐQT, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn thời gian tổ chức Đại hội nhưng cũng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường.

Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán độc lập dự họp ĐHĐCĐ thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau đây:

3.1. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

3.2. Báo cáo tài chính 06 tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

3.3. Số thành viên HĐQT, thành viên BKS còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên HĐQT bị giảm quá 1/3 so với số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty;

3.4. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

3.5. Theo yêu cầu của BKS nếu BKS có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc Người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

3.6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

4.1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên BKS còn lại như quy định tại khoản 3.3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại khoản 3.4 và 3.5 Điều này.

Điều lệ đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua tháng 6/2020 tại Hà Nội

4.2. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 4.1 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, BKS phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

4.3. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 4.2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại khoản 3.4 Điều này có quyền thay thế HĐQT, BKS triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

4.4. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- 1.1. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
- 1.2. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- 1.3. Báo cáo của HĐQT;
- 1.4. Báo cáo của BKS ;

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định các vấn đề sau:

- 2.1. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- 2.2. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- 2.3. Số lượng thành viên HĐQT;
- 2.4. Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập;
- 2.5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT và thành viên BKS;
- 2.6. Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT;
- 2.7. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- 2.8. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- 2.9. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- 2.10. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- 2.11. Kiểm tra, xử lý các vi phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
- 2.12. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Công ty;
- 2.13. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

01
NI
P
KHÍ
ST
ĐA-

2.14. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

2.15. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

3.1. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

3.2. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền tham dự Đại hội cổ đông phải được thực hiện bằng văn bản theo đúng thủ tục, mẫu ủy quyền của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

2.1. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

2.2. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

2.3. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

2.4. Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Cổ đông hoặc trường hợp cổ đông là pháp nhân mới được sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thì cổ đông này phải gửi cho HĐQT các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế để HĐQT quyết định về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo quy định của pháp luật.

30
TY
N
N
L
HA

5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ Công ty, phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

5.1. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

5.2. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

5.3. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng 30 ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ Công ty.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc cuộc họp ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 14 Điều lệ này

2. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

2.1. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ;

- 2.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung và tài liệu Đại hội;
- 2.3. Dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- 2.4. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;
- 2.5. Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- 2.6. Các công việc khác phục vụ Đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, BKS (nếu có); Thẻ/ Phiếu biểu quyết; Phiếu Bầu cử (nếu có); Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- 5.1. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- 5.2. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- 5.3. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
- 5.4. Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết
- 5.5. Trường hợp khác theo quy định của Pháp luật ✓

The bottom of the page features several handwritten signatures in black ink. On the right side, there is a red circular stamp with the text '100', 'ÔN', 'CỔ P', 'KHÍ', 'VSTE', and 'ĐA-T' arranged around the perimeter.

Điều 19. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, sẽ được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến phê chuẩn tại cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Đăng ký cổ đông

1.1. Trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

1.2. Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết 01 Thẻ/Phiếu biểu quyết khi thực hiện đăng ký cổ đông. Trên Thẻ/Phiếu biểu quyết ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi biểu quyết tại Đại hội, số thẻ/phiếu tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ/phiếu không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Kết quả kiểm phiếu được Chủ toạ công bố trước khi bế mạc cuộc họp.

1.3. Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Bầu Chủ toạ, Thư ký và Ban kiểm phiếu

2.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ toạ các cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ toạ cuộc họp theo nguyên tắc đa số.

Trường hợp không bầu được người làm Chủ toạ, Trưởng BKS điều khiển để ĐHĐCĐ bầu Chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ toạ cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ điều

Điều lệ đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua tháng 6/2020 tại Hà Nội



Handwritten signatures and initials at the bottom of the page.

khuyến ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.

2.2. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;

2.3. Đại hội đồng cổ đông bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Chương trình và nội dung họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa Đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

5. Chủ tọa Đại hội có thể hoãn Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

6. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp ĐHĐCĐ sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi Đại hội.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

7.1. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

7.2. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

7.3. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội.

Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

8. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp ĐHĐCĐ khi xác định địa điểm Đại hội có thể:

8.1. Thông báo Đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa Đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của Đại hội”);

8.2. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội;

8.3. Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

9. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia Đại hội ở địa điểm chính của Đại hội.

10. Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ:

1.1. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

1.2. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;

1.3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, thành viên BKS và báo cáo việc HĐQT bổ nhiệm Tổng giám đốc.

2. Việc bầu thành viên HĐQT, BKS thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS, Đại hội sẽ bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử đã được ĐHĐCĐ thông qua.

3. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành:

3.1. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty;

3.2. Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán;

3.3. Tổ chức lại hay giải thể Công ty, thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

3.4. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

3.5. Dự án đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Công ty;

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty trừ các trường hợp quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết và gửi bằng phương thức bảo đảm đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 15 ngày trước thời hạn các cổ đông phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.

3. Phiếu lấy ý kiến có các nội dung chủ yếu sau đây:

3.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty, địa chỉ thư điện tử.

3.2. Mục đích lấy ý kiến;

3.3. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông;

3.4. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

3.5. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

3.6. Thời hạn phải gửi về Công ty Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

3.7. Họ tên, chữ ký Chủ tịch HĐQT và Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Cổ đông có thể gửi Phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau:

5.1. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

5.2. Gửi fax hoặc gửi thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

5.3. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung Phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm

phiếu trong trường hợp gửi thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- 6.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- 6.2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- 6.3. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- 6.4. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- 6.5. Các vấn đề đã được thông qua;
- 6.6. Họ tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội cổ đông phải được lập thành biên bản, có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản được lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau đây và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp:

- 1.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- 1.2. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- 1.3. Họ, tên người chủ trì Đại hội và Thư ký Đại hội;
- 1.4. Chương trình và nội dung cuộc họp;
- 1.5. Tóm tắt diễn biến cuộc họp các ý kiến phát biểu tại Đại hội cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- 1.6. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu tương ứng;

Điều lệ đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua tháng 6/2020 tại Hà Nội

1.7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

1.8. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

1.9. Họ tên, chữ ký của người Chủ tọa và Thư ký.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày DIIDCD kết thúc.

4. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20 Điều lệ này.
2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

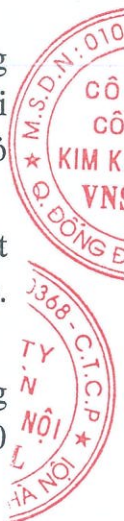
Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ có thể xem xét tổ chức lại ĐHĐCĐ trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG V HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu 15 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác, hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và cam kết thực

Điều lệ đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua tháng 6/2020 tại Hà Nội



[Handwritten signatures and marks at the bottom of the page]

hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- 1.1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - 1.2. Trình độ học vấn; Trình độ chuyên môn;
 - 1.3. Quá trình công tác; các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
 - 1.4. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
 - 1.5. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - 1.6. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - 1.7. Các thông tin khác (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử 02 ứng viên; đến dưới 50% được đề cử 03 ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử 04 ứng viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử 05 ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bao gồm 05 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. HĐQT được bầu bằng thể thức bỏ phiếu trực tiếp tại ĐHCĐ. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
2. Các thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổng số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn lên.
3. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn sau:
 - 3.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;
 - 3.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty; hiểu biết về pháp luật và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3.3. Có sức khoẻ và có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có tâm huyết xây dựng Công ty;

3.4. Không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 Công ty khác và không có ngoại trừ;

3.5. Không phải là những người thuộc các đối tượng quy định tại Khoản 1 mục d Điều 151 Luật Doanh nghiệp.

4. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau đây:

4.1. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;

4.2. Có đơn từ chức;

4.3. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

4.4. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

4.5. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

4.6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên HĐQT thì không còn các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty nhưng vẫn phải đảm bảo trách nhiệm của thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 cho đến khi có quyết định chính thức của ĐHĐCĐ.

5. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của HĐQT. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ Công ty và ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

2.1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh, tài chính, đầu tư hàng năm của Công ty;

2.2. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;

2.3. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác và quyết định mức lương của họ;

2.4. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

2.5. Đề xuất tổ chức lại hoặc giải thể Công ty; ✓

- 2.6. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;
 - 2.7. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành doanh nghiệp đó;
 - 2.8. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - 2.9. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu khi được ĐHĐCĐ ủy quyền;
 - 2.10. Đề xuất mức cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - 2.11. Quyết định Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận thông qua;
 - 2.12. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ; triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
 - 2.13. Trình ĐHĐCĐ Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - 2.14. Báo cáo ĐHĐCĐ việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc
 - 2.15. Trình ĐHĐCĐ quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;
 - 2.16. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:
- 3.1. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - 3.2. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - 3.3. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do ĐHĐCĐ phê chuẩn, HĐQT quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - 3.4. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - 3.5. Việc vay nợ và thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - 3.6. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh vượt quá 10 tỷ đồng hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - 3.7. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - 3.8. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - 3.9. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng;
 - 3.10. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - 3.11. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

C. P. T. N. U. KI. C. O. M.

Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Mục 2.14 Điều 15 và Khoản 5 Điều 38 Điều lệ Công ty;

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo lên ĐHĐCĐ, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được ĐHĐCĐ thông qua.
5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, HĐQT có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
6. Hội đồng quản trị sẽ thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT khi cần thiết.

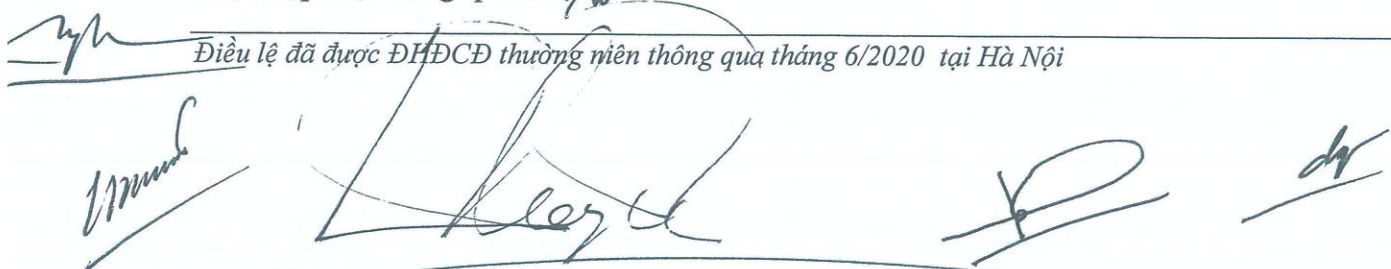
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thoả thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên HĐQT là đại diện phần vốn góp (nếu có) phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên HĐQT phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng Quản trị lựa chọn trong số các thành viên để bầu Chủ tịch HĐQT bằng thể thức bầu trực tiếp và bỏ phiếu kín. Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty.
2. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - 2.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT và phân công các thành viên HĐQT thực hiện;
 - 2.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

0
2A
31
HÍ
ST.
4-



- 2.3. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - 2.4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.;
 - 2.5. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - 2.6. Thay mặt HĐQT ký các quy chế, quyết định, văn bản... thuộc thẩm quyền của HĐQT sau khi đã được HĐQT thông qua;
 - 2.7. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.
3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số.
4. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi Báo cáo tài chính hàng năm, Báo cáo hoạt động của Công ty, Báo cáo kiểm toán và Báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu tại cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 01 thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp HĐQT theo nguyên tắc đa số.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập các cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất 01 lần. Trường hợp đặc biệt khoảng cách giữa hai kỳ họp cũng không được quá 05 tháng.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - 3.1. Ban kiểm soát;
 - 3.2. Ít nhất hai thành viên HĐQT;
 - 3.3. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 Người điều hành Công ty;
 - 3.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch HĐQT



không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị tổ chức họp nêu tại khoản 3 Điều này có quyền thay thế HĐQT triệu tập họp HĐQT.

5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về Báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cuộc họp HĐQT được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam/ nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.

7. Thông báo và chương trình họp: Các thành viên HĐQT phải được thông báo ít nhất 03 ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo họp HĐQT phải bao gồm: Nội dung chương trình, thời gian, địa điểm, thành phần tham dự họp, những tài liệu liên quan đến những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết gửi cho các thành viên không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến BKS như đối với các thành viên HĐQT

8. Số lượng thành viên tham dự tối thiểu: Cuộc họp HĐQT chỉ có thể được tiến hành họp pháp và thông qua các quyết định khi có ít nhất 3/4 số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn 1/2 số thành viên HĐQT dự họp .

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

9.1. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

9.2. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên HĐQT có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư

điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

11.1. Trừ quy định tại khoản 11.2 Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có 01 phiếu biểu quyết

11.2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết

11.3. Theo quy định tại khoản 11.4 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của Chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

11.4. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm khoản 5 Điều 38 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

11.5. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó, có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này.

Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Dù được tổ chức họp dưới bất kỳ hình thức nào, người chủ trì cuộc họp có trách nhiệm lập và gửi biên bản họp HĐQT cho các thành viên HĐQT. Biên bản họp HĐQT là văn bản xác thực về những vấn đề đã được bàn bạc và thông qua trong cuộc họp. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau:

Điều lệ đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua tháng 6/2020 tại Hà Nội

58
Y
NỘI
HÀ NỘI

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Họ, tên, chữ ký của các thành viên tham dự cuộc họp.

Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

16. Mời họp Hội đồng quản trị với thành phần mở rộng: Tùy thuộc yêu cầu nội dung của cuộc họp HĐQT định kỳ hoặc bất thường, ngoài các thành viên HĐQT, BKS, Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập thành phần mở rộng là các cán bộ quản lý của Công ty. Các thành viên tham dự cuộc họp thuộc thành phần mở rộng được tham gia thảo luận và phát biểu ý kiến khi được phép của chủ tọa cuộc họp và không có quyền biểu quyết.

17. Mời họp dự thính: HĐQT có thể mời một số cán bộ quản lý của Công ty và các chuyên gia của một bên thứ ba tham dự họp HĐQT. Những người được mời họp dự thính không có quyền thảo luận, phát biểu ý kiến hay biểu quyết tại cuộc họp.

CHƯƠNG VI TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy điều hành chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát của HĐQT. Công ty có 01 Tổng giám đốc điều hành, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết, quyết định và được thông qua một cách hợp thức.

Điều lệ đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua tháng 6/2020 tại Hà Nội

C.P.
KIM
VI
NG

2. Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm xây dựng và trình HĐQT chấp thuận cơ cấu cán bộ quản lý của Công ty nhằm thực hiện quản lý Công ty theo đúng yêu cầu của HĐQT vào từng thời điểm. Cán bộ quản lý của Công ty phải có năng lực, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, luôn luôn sẵn sàng trong việc tổ chức sản xuất kinh doanh theo các mục tiêu mà HĐQT đề ra.

3. Mức lương, thù lao, quyền lợi và trách nhiệm của Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định và được quy định trong hợp đồng lao động ký với Tổng Giám đốc. Mức lương, thù lao, quyền lợi và trách nhiệm của Người điều hành khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT cũng do HĐQT quyết định nhưng có tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc và được quy định trong hợp đồng lao động ký với từng Người điều hành khác.

Tiền lương của Tổng giám đốc và Người điều hành khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 năm trừ khi HĐQT có quy định khác. Khi hết nhiệm kỳ, Tổng Giám đốc có thể được HĐQT xem xét bổ nhiệm lại. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

2. Tổng Giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

2.1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp;

2.2. Không được kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản lý điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác;

2.3. Có trình độ học vấn từ đại học trở lên, có kinh nghiệm quản lý tổ chức, có năng lực kinh doanh liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính của Công ty;

2.4. Có hiểu biết pháp luật;

2.5. Có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết;

2.6. Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty mẹ và người đại diện phân vốn nhà nước tại Công ty đó.

3. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

3.1. Không còn đáp ứng được các quy định của Khoản 2 Điều này;

3.2. Có từ hai phần ba thành viên HĐQT trở lên biểu quyết tán thành việc bãi nhiệm Tổng Giám đốc (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc);

3.4. Vắng mặt liên tục tại Công ty trong vòng 01 tháng mà không được chấp thuận của Hội đồng quản trị;

3.5. Có đơn xin nghỉ việc hoặc từ chức gửi đến HĐQT

00
CÔNG TY CỔ PHẦN
KIM KHÍ HÀ NỘI
VNSTEEL
1-T.

Điều 33. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và quyết định của HĐQT; chịu sự giám sát HĐQT.

2. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

2.1. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT, kế hoạch kinh doanh, tài chính và đầu tư của Công ty đã được ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua;

2.2. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại; tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

2.3. Kiến nghị với HĐQT về phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

2.4. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

2.5. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;

2.6. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

2.7. Xây dựng, trình HĐQT phê duyệt chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh, tài chính, đầu tư hàng năm của Công ty; vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 năm;

2.8. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

2.9. Tuyển dụng, bố trí sử dụng lao động theo quy định của Công ty và pháp luật; quyết định lương, phụ cấp (nếu có) đối với người lao động thuộc thẩm quyền quyết định của Tổng giám đốc; Bổ nhiệm, miễn nhiệm và chấm dứt hợp đồng lao động đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền theo quy định của Luật Lao động và Điều lệ Công ty;

2.10. Ký kết hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác thuộc thẩm quyền có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

2.11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của HĐQT.



Handwritten signatures and initials at the bottom of the page, including a large signature in the center and several smaller ones on the left and right.

Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Điều 34. Thư ký Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ, quyền và trách nhiệm theo quyết định của HĐQT. HĐQT có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
2. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm.
3. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:
 - 3.1. Chuẩn bị các cuộc họp của ĐHĐCĐ và HĐQT; tư vấn về thủ tục của các cuộc họp ĐHĐCĐ và HĐQT; tham dự và ghi biên bản các cuộc họp; đảm bảo các nghị quyết HĐQT phù hợp với luật pháp;
 - 3.2. Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - 3.3. Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
 - 3.4. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
 - 3.5. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - 3.6. Đôn đốc, phối hợp với các phòng, ban và chủ trì thực hiện các báo cáo của Công ty; thực hiện công bố thông tin đúng quy định;
 - 3.7. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và BKS.
4. Có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Thành viên Ban kiểm soát; ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu trực tiếp bằng hình thức bỏ phiếu. BKS có nhiệm kỳ tối đa 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên BKS phải có đủ những tiêu chuẩn sau đây:
 - 2.1. Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

2.2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và Người điều hành khác;

2.3. Là kiểm toán viên hoặc kế toán viên; không giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

2.4. Có hiểu biết pháp luật, am hiểu kỹ thuật và nghiệp vụ kinh doanh của Công ty, có ít nhất 03 năm kinh nghiệm quản lý kinh doanh;

2.5. Có sức khoẻ và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.

3. Đề cử thành viên BKS:

3.1. Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng được quyền đề cử 01 ứng viên có đủ tiêu chuẩn theo quy định để bầu vào BKS. Cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 Kiểm soát viên; từ 30% trở lên được đề cử 03 ứng viên.

3.2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Ban kiểm soát bầu một trong số các thành viên làm Trưởng BKS. Trưởng BKS phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng BKS có các quyền, trách nhiệm sau:

4.1. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

4.2. Yêu cầu HĐQT, Tổng giám đốc và Người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS;

4.3. Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình Đại hội đồng cổ đông.

5. Thành viên BKS bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

5.1. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 2 Điều này;

5.2. Không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong thời gian 06 tháng liên tục trừ trường hợp bất khả kháng;

5.3. Thành viên BKS có đơn từ chức và được chấp thuận.

5.4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Thành viên BKS bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

Điều lệ đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua tháng 6/2020 tại Hà Nội

38
Y
N
N
L
HP

- 6.1. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - 6.2. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - 6.3. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
7. Trong nhiệm kỳ, nếu số lượng kiểm soát viên giảm so với quy định thì ĐHĐCĐ phải bầu bổ sung trong cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất.
8. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của ĐHĐCĐ trên cơ sở đề xuất của HĐQT. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của BKS.
- Thành viên của BKS được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của BKS hoặc thực thi các hoạt động khác của BKS.

Phương tiện làm việc và ngân quỹ cần thiết cho hoạt động của Kiểm soát viên và việc xét thưởng cho họ do ĐHĐCĐ ấn định theo kết quả sản xuất kinh doanh. Tiền lương và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, có các quyền và nghĩa vụ sau:

1.1. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Tổng giám đốc Công ty.

1.2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

1.3. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành khác, sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động của Công ty.

1.4. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.

1.5. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

1.6. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo

K. P. K. G. O. I.

bằng văn bản với HĐQT trong 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

1.7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

1.8. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và Người điều hành khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của BKS.

Thư ký Công ty phải bảo đảm toàn bộ bản sao các Nghị quyết, biên bản họp của ĐHĐCĐ và HĐQT, các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho cổ đông và các thành viên HĐQT phải được cung cấp cho BKS vào cùng thời điểm và phương thức như đối với cổ đông và HĐQT.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu 02 lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ 2/3 số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

CHƯƠNG VIII

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng

Tất cả các thành viên của Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác có trách nhiệm:

1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ.
2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, miễn cán, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và Người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục

đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và Người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm công ty mẹ-công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau :

5.1. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới HĐQT. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;

5.2. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

5.3. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc ĐHĐCĐ thông qua.

6. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 5 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty: Cổ đông, thành viên HĐQT hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

103
T
ÂN
I
N
3L
HA

7. Thành viên thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và Người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên HĐQT, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Người điều hành, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau: Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty; Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG IX

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các

Điều lệ đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua tháng 6/2020 tại Hà Nội

Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội - Vnsteel

biên bản họp ĐHĐCĐ và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của HĐQT, các báo cáo của BKS, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG X CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 41. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc Công ty phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

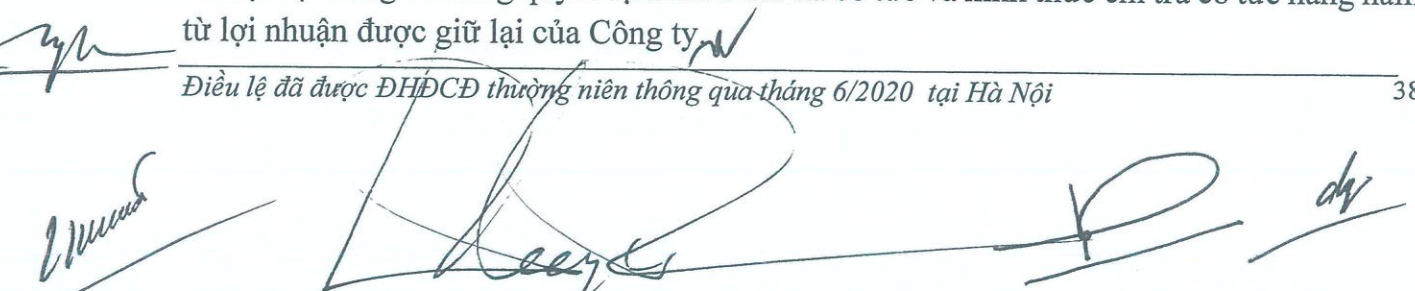
CHƯƠNG XI PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 42. Cổ tức và phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

Điều lệ đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua tháng 6/2020 tại Hà Nội

101
C C
KIM V
ĐÔNG



2. Công ty trả cổ tức khi có đủ các điều kiện sau đây:

1.1. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

1.2. Đã trích lập các quỹ và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật;

1.3. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

4. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

5. Hội đồng quản trị có thể đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này.

6. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam.

Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này.

Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.

7. Căn cứ quy định tại Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

8. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XII TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 43. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

Điều lệ đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua tháng 6/2020 tại Hà Nội

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 (năm Dương lịch) hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 45. Chế độ kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam.
2. Công ty phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ trong hạch toán kế toán.
4. Trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Giám đốc phải hoàn thành các báo cáo tài chính và trình HĐQT, BKS xem xét.
5. Hội đồng quản trị và BKS có trách nhiệm trình ĐHCĐ các báo cáo tài chính của Công ty, bao gồm:

3.5. Các báo cáo tài chính: bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền và thuyết minh báo cáo tài chính;

3.6. Báo cáo thẩm tra của BKS về báo cáo tài chính;

3.7. Báo cáo kiểm toán của Công ty kiểm toán về các báo cáo tài chính của Công ty;

3.8. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế hoặc xử lý lỗ hoạt động kinh doanh, trích lập các quỹ, mức trả cổ tức v.v....

Điều 46. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HĐQT.
2. Trong trường hợp thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho đơn vị Kiểm toán sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
3. Đơn vị Kiểm toán kiểm tra, xác nhận báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình HĐQT trong vòng 02 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
4. Báo cáo kiểm toán của đơn vị Kiểm toán phải được đính kèm với Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

158
Y
N
N
L
HP

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến ĐHĐCĐ mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XIII

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 47. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính hàng năm đã được ĐHĐCĐ thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm Báo cáo kết quả hoạt động phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính; bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo; báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan, cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp
4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty theo quy định.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 48. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XIV

CON DẤU

Điều 49. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ Công ty.

Điều lệ đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua tháng 6/2020 tại Hà Nội

Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội - Vnsteel

2. Công ty chỉ có một con dấu. Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc sử dụng, quản lý theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Con dấu của Xí nghiệp, Chi nhánh trực thuộc Công ty do Công ty khắc. Công ty giao cho Xí nghiệp, Chi nhánh trực thuộc quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật về việc sử dụng dấu.

CHƯƠNG XV CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - 1.1. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - 1.2. Giải thể theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - 1.3. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty do ĐHĐCĐ quyết định, HĐQT thực hiện và nghị quyết về việc giải thể Công ty phải được thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền biết hoặc chấp thuận phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 51. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban Thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do ĐHĐCĐ chỉ định và 01 thành viên do HĐQT chỉ định từ đơn vị Kiểm toán độc lập.
2. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý Công ty sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
3. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan có thẩm quyền về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của Ban Thanh lý. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính có thẩm quyền.
4. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - 4.1. Chi phí thanh lý;
 - 4.2. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động ký kết;
 - 4.3. Nợ thuế;
 - 4.4. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - 4.5. Phần còn lại sẽ được phân chia cho các cổ đông. Trong đó các cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Điều lệ đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua tháng 6/2020 tại Hà Nội

100
: 0 N
C O
KH
NST
ĐA

CHƯƠNG XVI GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi xảy ra tranh chấp hay khiếu nại về hoạt động của Công ty hoặc quyền của các cổ đông phát sinh từ các quy định của Điều lệ hoặc các quy định của Luật Doanh nghiệp và các luật khác giữa: (a) 01 cổ đông hoặc nhiều cổ đông với Công ty và (b) 01 cổ đông hoặc nhiều cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý của Công ty, thì các bên liên quan sẽ trước hết giải quyết tranh chấp bằng thương lượng và hoà giải.

Trừ trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch HĐQT sẽ là người chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu các bên giải trình các vấn đề tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp.

Nếu tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, thì các bên có thể chỉ định bên thứ ba bất kỳ làm trọng tài giải quyết tranh chấp.

2. Nếu vấn đề tranh chấp không hoà giải được trong vòng 06 tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, thì một trong các bên có thể đưa tranh chấp ra Toà án có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.

3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí phát sinh trong quá trình thương lượng và hoà giải.

4. Trường hợp tranh chấp được đưa ra Toà án có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật, Toà án sẽ phán quyết bên nào phải chịu chi phí xét xử và các chi phí liên quan. Quyết định của Toà án có thẩm quyền là chung thẩm và ràng buộc các bên phải thực hiện.

CHƯƠNG XVII BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Điều lệ Công ty hoặc trong trường hợp những điều khoản trong Điều lệ Công ty trái với quy định của pháp luật hiện hành thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng.

Điều 54. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty bao gồm 17 chương và 54 điều khoản.
2. Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Kim khí Hà Nội - Vnsteel nhất trí thông qua ngày 15 tháng 6 năm 2020 tại Thành phố Hà Nội và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty, được lập thành 10 bản và có giá trị như nhau ✓

CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thị Thu Hiền

Phạm Công Dũng

Đặng Trọng Khuynh

Lê Thanh Hải

Vũ Khắc Hoàng

